

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán bổ sung năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các sở, ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 847/TTr-TC ngày 03/7/2023 về việc công khai dự toán bổ sung năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu bổ sung kinh phí thực hiện chăm lo Tết Quý Mão năm 2023 trên địa bàn quận, số tiền 4.322.850.000 đồng theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tài chính;
- Các phòng ban, Đoàn thể quận;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND 11 phường;
- Website Quận 12;
- Lưu: (VT, Tâm).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đức

Đơn vị: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Chương: 599

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-UBND-TC, ngày 07 / 11/2023 của UBND quận)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí		
2	Phí		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
1	Lệ phí		
2	Phí		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.322.850.000	4.322.850.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.322.850.000	4.322.850.000
1	Chi quản lý hành chính	1.662.000.000	1.662.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.662.000.000	1.662.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	55.000.000	55.000.000
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	55.000.000	55.000.000
5	Chi bảo đảm xã hội	332.450.000	332.450.000
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	332.450.000	332.450.000
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
11	Chi quốc phòng	109.800.000	109.800.000
11.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
11.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	109.800.000	109.800.000
12	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.495.800.000	1.495.800.000
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.495.800.000	1.495.800.000
13	Chi khác	667.800.000	667.800.000
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	667.800.000	667.800.000
II	Nguồn vốn viện trợ		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		